

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 23/TTr-STC ngày 11 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4,2,3,5.

ĐVT_05.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, được thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành và quy định tại Quyết định này.

2. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận.

3. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện.

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khuyến khích áp dụng Quy định này.

Điều 5. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của từng địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, theo các hình thức sau:

1. Hỗ trợ bằng tiền: Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư thực hiện giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ từ Kho bạc nhà nước cho Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình. Ban phát triển thôn thanh toán trực tiếp cho cộng đồng dân cư tham gia thực hiện thi công xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật:

a) Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng hiện vật (ký kết hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán cho đơn vị cung ứng hiện vật theo đúng thỏa thuận hợp đồng và các quy định pháp luật hiện hành) và bàn giao cho Ban phát triển thôn tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

b) Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và được hạch toán vào giá trị dự án và tổng hợp vào quyết toán dự án để theo dõi, quản lý theo quy định.

3. Kết hợp hai hình thức trên: Tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kết hợp các hình thức hỗ trợ trên.

Chương II

QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 6. Mở mã dự án và tài khoản thanh toán

1. Mở mã dự án: Chủ đầu tư mở mã số dự án theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT- BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

2. Mở tài khoản thanh toán: Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 7. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.
2. Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.
3. Hợp đồng, phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) về việc thực hiện thi công xây dựng công trình được ký kết giữa Ban quản lý xã với Ban phát triển thôn hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa (đối với trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật).

Điều 8. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng vốn, mức vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

- a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);
- b) Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT).

Điều 9. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng:

a) Nguyên tắc thanh toán: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

b) Hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP (hồ sơ gửi theo từng lần đề nghị thanh toán theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP). Cụ thể:

Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT);

Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT);

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT).

2. Đối với các công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng:

a) Nguyên tắc thanh toán: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP (hồ sơ gửi theo từng lần đề nghị thanh toán theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP). Cụ thể:

Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT);

Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT);

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);

Bảng kê chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

Điều 10. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về quyết toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo niên độ ngân sách hàng năm và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 11. Quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Mục 2 Chương III, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo mẫu số 14/QTDA và mẫu số 15/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các công trình và hiệu quả sử dụng vốn đảm bảo đúng mục tiêu đề ra.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn và thanh quyết toán xây dựng các công trình có nguồn vốn hỗ trợ thuộc quy định này đảm bảo theo các quy định hiện hành.

3. Kho bạc Nhà nước

a) Tổ chức kiểm soát thanh toán theo quy định, bảo đảm thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình thanh toán vốn và triển khai thực hiện.

b) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo chế độ quy định .

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn các huyện, thành phố.

c) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức triển khai xây dựng công trình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Công khai, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ, động viên nhân dân tham gia thực hiện xây dựng công trình; cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn các thôn tổ chức triển khai đảm bảo đúng quy định.

b) Chỉ đạo bộ phận liên quan tổ chức xây dựng các công trình theo Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có các vấn đề phát sinh kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp trên để được xem xét điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời chịu trách nhiệm về việc quản lý sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

c) Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, cộng đồng dân cư thực hiện quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

6. Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn

a) Thực hiện đúng quy định về chế độ quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, hiệu quả.

b) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của người có thẩm quyền.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Khi các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật./.